TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 150/2020/QĐST - HNGĐ

T , ngày 22 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2020/ TLST-HNGĐ ngày 25/5/2020

Giữa: - Nguyên đơn: Anh Lê Văn V ; Sinh năm: 1975

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị T ; sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn 2 xã X , huyện T , tỉnh T .

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/7/2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn V và chị Trịnh Thị T
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh Lê Văn V và chị Trịnh Thị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung:

- Cháu Lê Thị Linh H , sinh ngày 13/3/1998

- Cháu Lê Vĩnh C , sinh ngày 03/02/2007

- Cháu Lê Vĩnh H , sinh ngày 12/12/2017

Hiện nay cháu H đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận: Anh Lê Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Vĩnh C , sinh ngày 03/02/2007; Chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Vĩnh H , sinh ngày 12/12/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

*. Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh V chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2018/0007334 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T . Anh V được nhận lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã X , huyện T , tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng